

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 6 NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	TỔNG SỐ (A+B)	1.598.336	103.053	6,45%	10.766.636	1.985.267	18,44%
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	57.885	3.041	5,25%	740.364	182.877	24,70%
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-		60.000	675	1,13%
1	XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	-	-		60.000	675	1,13%
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	1.284	1.284		25.400	20.268	79,80%
1	Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.	-	-		23.000	19.052	82,83%
2	XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	1.284	1.284		2.400	1.217	50,69%
III	Bộ Công An	-	-		30.000	13.484	44,95%
1	Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		14.000	9.627	68,77%
2	Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		16.000	3.857	24,11%
IV	Bộ Quốc phòng	-	-		138.675	56.885	41,02%
1	Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9	-	-		60.000	37.189	61,98%
2	Nha nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5BQP	-	-		29.010	13.038	44,94%
3	Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)	-	-		2.000	134	6,72%
4	Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)	-	-		17.665	5.967	33,78%
5	Xây dựng 02 Đồn biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965)/Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh Kiên Giang	-	-		30.000	556	1,85%
V	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-		70.000	70.000	100,00%
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	-	-		70.000	70.000	100,00%
VI	Bộ Tư pháp	-	-		20.000	765	3,83%
1	Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	-	-		20.000	765	3,83%
VII	Bộ Tài chính	49.498	23	0,05%	-	-	
1	Chi cục thuế huyện An Minh	2.270	-	0,00%	-	-	
2	Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47.228	23	0,05%	-	-	
VIII	Bộ Giao thông Vận Tải	7.103	1.734		396.289	20.800	5,25%
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	7.103	1.734		145.029	5.188	3,58%
2	Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận	-	-		235.260	1.476	0,63%
3	Dự án nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia giai đoạn 1 - khu vực phía Nam (GPMB cầu Vàm Xáng Thị Đới)	-	-		16.000	14.136	88,35%
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	1.540.451	100.012	6,49%	10.026.272	1.802.390	17,98%
I	Dự án tỉnh quản lý	465.916	38.847	8,34%	5.413.872	650.994	12,02%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
I.1	Sở Giáo dục và đào tạo quản lý	153.528	2.279	1,48%	71.677	27.824	38,82%
1	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Gò Quao	-	-		2.201	2.201	100,00%
2	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở An Biên	-	-		4.800	2.385	49,69%
3	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Châu Thành	1.156	1.150	99,49%	1.103	1.055	95,65%
4	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Hà Tiên	436	-	0,00%	1.200	762	63,46%
5	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Giồng Riềng	1.128	1.128	100,00%	1.473	605	41,07%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông	-	-		1.350	-	0,00%
7	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiển, An Minh	-	-		1.000	-	0,00%
8	7920306 - Trường Trung học Phổ thông An Biên	-	-		700	-	0,00%
9	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang	-	-		450	100	22,14%
10	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi	-	-		500	500	100,00%
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương	-	-		1.000	-	0,00%
12	Trường THPT An Thới	-	-		21.500	8.073	37,55%
13	ĐTXD công trình Trường THPT Phú Quốc	-	-		23.000	12.067	52,47%
14	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	-	-		5.400	-	0,00%
15	Trường TH Phạm Văn Hớn, huyện U Minh Thượng	-	-		1.500	-	0,00%
16	Xây mới 6 phòng học và cải tạo sửa chữa 12 phòng học Trường tiểu học thị trấn Giồng Riềng 1; xây mới 6 phòng học Trường THCS Mai Thị Hồng Hạnh, huyện Giồng Riềng	-	-		2.000	34	1,70%
17	Trường THCS và THPT Phan Thị Ràng, huyện Hòn Đất	-	-		2.500	43	1,72%
18	7920318 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng, Gò Quao	581	-	0,00%	-	-	
19	7920308 - Trường Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Vĩnh Phong	226	-	0,00%	-	-	
20	Dự án mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 3, 4, 7, 10 và thiết bị khoa học tự nhiên (trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (trung học phổ thông) chương trình giáo dục phổ thông 2018	150.000	-	0,00%	-	-	
I.2	Sở Giao thông vận tải	-	-		577.803	111.065	19,22%
1	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	-	-		270.000	62.549	23,17%
2	Dự án ĐTXD công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	-	-		300.000	48.030	16,01%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
3	Dự án ĐTXD công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				1.062		0,00%
4	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn Quốc lộ 80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				393		0,00%
5	Đầu tư xây dựng cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				425		0,00%
6	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía Tây đảo Phú Quốc				434	-	0,00%
7	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				231		0,00%
8	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				232		0,00%
9	Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				315		0,00%
10	Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 80 (đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				248		0,00%
11	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				158		0,00%
12	Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				183		0,00%
13	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				370		0,00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ Văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61 - đường 3/2)				165		0,00%
15	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng - An Minh - Vĩnh Thuận (QL 63 - ĐT 965 - Hành lang ven biển phía nam - ĐT 968)				339		0,00%
16	Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				500		0,00%
17	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên - TP Rạch Giá				1.510	-	0,00%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên				496	486	98,03%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh thượng)				296		0,00%
20	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - kết nối QL 63				245		0,00%
21	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL 80 - đường ven biển (Sóc Xoài) huyện Hòn Đất				201		0,00%
I.3	Sở Lao động TBXH	74.066	2.378		2.348	576	24,53%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	-	-		1.400	440	31,44%
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc	-	-		20	-	0,00%
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	-	-		200	15	7,65%
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên	-	-		650	56	8,55%
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	-	-		78	65	83,10%
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73.920	2.378	3,22%	-	-	
7	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hòn Đất	146	-	0,00%	-	-	
I.4	Sở Văn hóa thể thao	5.278	38		122.384	70.294	57,44%
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	-	-		10.000	-	0,00%
2	ĐTXD quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc	-	-		108.884	70.294	64,56%
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	3.900	-	0,00%	3.500	-	0,00%
4	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang (Hàng rào bảo vệ khuôn viên Vòng viên văn hóa An Hòa)	271	38	13,95%	-	-	
5	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	906	-	0,00%	-	-	
6	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	200	-	0,00%	-	-	
I.5	Sở Tài nguyên Môi trường	-	-		367.885	3.215	0,87%
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	-	-		367.885	3.215	0,87%
I.6	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	23.402	4.827	20,63%	479.378	118.099	24,64%
1	Tiểu dự án ĐTXD CSHT phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ NTTS An Minh, An Biên Kiên Giang thuộc DA chống chịu khí hậu tổng hợp và kinh kê bền vững đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 cổng	-	-		4.000	4.000	100,00%
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên - An Minh - U Minh Thượng - Vĩnh Thuận	-	-		173.150	3.259	1,88%
3	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	-	-		50.000	-	0,00%
4	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17.902	3.761	21,01%	-	-	
5	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	-	-		162.390	99.626	61,35%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
6	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc	-	-		64.000	4.730	7,39%
7	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP	-	-		5.750	2.045	35,57%
8	Dự án đầu tư xây dựng 03 cống Đầm Chích, Phú Mỹ, Xẻo Nhàu	-	-		7.470	3.226	43,18%
9	Dự án kè chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	-	-		2.618	1.213	46,33%
10	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	-	-		10.000	-	0,00%
11	Dự án ĐTXD hồ chứa nước Cửa Cạn (phía thượng lưu cầu Suối Cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc (CBĐT)	500	500	100,00%	-	-	
12	ĐTXD Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du (đối ứng TW-GPMB)	5.000	566	11,32%	-	-	
I.7	BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải	-	-		805.000	153.905	19,12%
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	-	-		31.000	7.371	23,78%
2	DA ĐTXD công trình Cảng hành khách RG, phường Vĩnh Thành - TP.RG tỉnh Kiên Giang	-	-		220.000	8.509	3,87%
3	DA ĐTXD công trình nâng cấp mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và Xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam Bắc	-	-		140.000	90.315	64,51%
4	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	-	-		29.000	7.872	27,14%
5	DA ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	-	-		240.000	28.875	12,03%
6	Nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188-700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km204+300 (nút giao QL N1, thành phố Hà Tiên)	-	-		100.000	302	0,30%
7	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT.	-	-		45.000	10.659	23,69%
I.8	BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp	156.311	23.885	15,28%	773.497	66.059	8,54%
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	-	-		31.500	363	1,15%
2	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp	-	-		1.000	472	47,16%
3	Cải tạo sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước	-	-		7.900	148	1,87%
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh Kiên Giang	-	-		2.870	13	0,44%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
5	Xây dự trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh	-	-		3.370	-	0,00%
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)	-	-		1.000	484	48,37%
7	Trường THCS và THPT Minh Thuận	-	-		8.979	2.481	27,63%
8	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	-	-		2.000	1.506	75,30%
9	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc	-	-		10.500	2.294	21,85%
10	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	-	-		20.400	2.156	10,57%
11	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	-	-		12.500	4.796	38,36%
12	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	-	-		7.000	1.004	14,34%
13	Trường THPT Giồng Riềng	-	-		6.400	5.595	87,42%
14	Trường THPT Kiên Lương	-	-		10.000	1.666	16,66%
15	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1	-	-		4.800	1.027	21,39%
16	Trường THCS Đông Hồ	-	-		10.000	-	0,00%
17	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	-	-		10.000	392	3,92%
18	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang	-	-		7.000	143	2,05%
19	Trường trung học phổ thông Thạnh Đông	-	-		8.000	143	1,78%
20	Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất	-	-		8.000	165	2,06%
21	ĐT XD Trường Cao Đẳng Kiên Giang (cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị)	-	-		3.000	789	26,29%
22	Bệnh viện Sản Nhi	-	-		55.000	1.642	2,99%
23	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	-	-		178.500	6.050	3,39%
24	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	-	-		158.180	20.045	12,67%
25	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	-	-		141.443	-	0,00%
26	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ huyện Gò Quao	-	-		7.380	41	0,55%
27	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	-	-		14.550	4.932	33,90%
28	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	-	-		7.700	171	2,22%
29	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Giang Thành	-	-		5.000	4.831	96,62%
30	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69.428	170	0,24%	-	-	
31	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36.136	23.680	65,53%	-	-	
32	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0,00%	-	-	
33	7576218 - ĐT XD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	35	7,56%	-	-	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
34	Dự án hội trường và phòng họp trực tuyến của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang	50.218	-	0,00%	-	-	
35	Nâng cấp, cải tạo Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	-	-		16.460	-	0,00%
36	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	-	-		700	-	0,00%
37	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Kiên Giang	-	-		11.500	2.713	23,59%
38	Đầu tư xây dựng công trình Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me	-	-		450	-	0,00%
39	Dự án sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Kiên Giang	-	-		415	-	0,00%
I.9	Công an tỉnh	-	-		17.269	7.819	45,28%
1	Trụ sở làm việc công an các xã: Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc công an tỉnh Kiên Giang	-	-		5.000	3.693	73,87%
2	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		9.000	3.053	33,92%
3	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục công trình Đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Kiên Lương, thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		2.169	108	4,98%
4	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang	-	-		1.100	965	87,72%
I.10	BCH quân sự tỉnh	15.355	673		101.692	24.737	24,33%
1	Dự án cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	-	-		1.692	1.061	62,70%
2	Dự án xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang	-	-		100.000	23.676	23,68%
3	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0,00%	-	-	
4	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0,00%	-	-	
5	Dự án xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ Liệt sỹ tại Campuchia (Đội K92)	14.998	673	4,49%	-	-	
I.11	BCH bộ đội Biên phòng	78	-		107.098	10.737	10,03%
1	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)	-	-		700	96	13,66%
2	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông	-	-		17.600	-	0,00%
3	Trạm kiểm soát biên phòng Đồi Mồi	-	-		11.900	-	0,00%
4	Trạm kiểm soát biên phòng Xéo Nhàu	-	-		4.300	674	15,67%
5	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng	-	-		29.000	9.733	33,56%
6	Trạm kiểm soát biên phòng Hòn Nghệ	-	-		2.998	235	7,85%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
7	Dự án đôn biên phòng Xẻo Nhàu xã Tân Thanh, huyện An Minh	-	-		30.000	-	0,00%
8	Dự án sửa chữa trụ sở BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	-	-		10.600	-	0,00%
9	TKS Biên phòng Rạch Giá	39	-	0,00%	-	-	
10	TKS biên phòng Kim Quy	39	-	0,00%	-	-	
I.12	Văn phòng tỉnh ủy	1.602	-		48.444	3.804	7,85%
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	-	-		1.499	979	65,33%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	-	-		1.497	1.073	71,69%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải	-	-		5.448	1.466	26,91%
4	Xây dựng mới nhà làm việc cho các Ban của Tỉnh ủy	-	-		40.000	286	0,71%
5	XD mới khu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh ủy	10	-	0,00%	-	-	
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	1.581	-	0,00%	-	-	
7	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	10	-	0,00%	-	-	
I.13	TT nước sạch và VSMT nông thôn	19.792	4.713		114.582	17.853	15,58%
1	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	-	-		62.492	2.186	3,50%
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	-	-		600	446	74,27%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-	0,00%	400	156	38,99%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	-	-		1.400	1.251	89,39%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	162	-	0,00%	700	635	90,77%
6	Đầu tư mới trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang	-	-		8.500	3.511	41,31%
7	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận	-	-		20.000	932	4,66%
8	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên	-	-		10.490	4.438	42,31%
9	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận	-	-		10.000	4.296	42,96%
10	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	467	36	7,75%	-	-	
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-	0,00%	-	-	
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang	455	-	0,00%	-	-	
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-	0,00%	-	-	
14	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thanh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-	0,00%	-	-	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
15	Bổ trí chuẩn bị đầu tư - Dự án nước sạch nông thôn gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3.755	901	24,01%	-	-	
16	Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quản huyện Gò Quao	14.302	3.776	26,40%	-	-	
I.14	Ban Dân tộc	164	45	27,43%	-	-	
1	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100,00%	-	-	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc	119	-	0,00%	-	-	
I.14	UBND huyện An Minh	-	-		17.000	-	0,00%
1	Đường KT1	-	-		17.000	-	0,00%
I.15	Trường Cao đẳng Nghề	-	-		5.300	-	0,00%
1	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	-	-		5.300	-	0,00%
I.16	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-		45.000	35.000	77,78%
1	Cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				25.000	25.000	100,00%
2	Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20.000	10.000	50,00%
I.17	Sở Thông tin và truyền thông	47	-	0,00%	-	-	
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0,00%	-	-	
I.18	Sở Nội Vụ	1.569	-	0,00%	-	-	
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1.569	-	0,00%	-	-	
I.19	Sở Y tế	14.542	11	0,07%	-	-	
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (1020 giường)	14.542	11	0,07%	-	-	
I.20	Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch GMS Kiên Giang	183	-		-	-	
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0,00%	-	-	
I.21	Trường Cao Đẳng Kiên Giang	-	-		3.540	7	
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang, hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị	-	-		3.540	7	0,19%
I.21	Dự án chưa phân khai				1.753.975		0,00%
II	Huyện, Thành phố quản lý	1.074.535	61.164	5,69%	4.612.401	1.151.396	24,96%
1	Huyện Vĩnh Thuận	27.952	3.020	10,80%	275.492	76.446	27,75%
2	Huyện Hòn Đất	894	177	19,74%	265.410	56.937	21,45%
3	Huyện Gò Quao	17.058	2.579	15,12%	263.164	72.051	27,38%
4	Huyện An Minh	24.285	4.399	18,11%	237.066	71.304	30,08%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
5	Huyện Kiên Hải	4.377	144	3,28%	96.226	25.116	26,10%
6	Huyện An Biên	39.553	16.134	40,79%	225.501	55.750	24,72%
7	Huyện Châu Thành	207.428	22.430	10,81%	158.065	39.538	25,01%
8	Huyện Kiên Lương	144.310	2.316	1,60%	354.180	49.209	13,89%
9	Huyện Tân Hiệp	14.721	1.066	7,24%	98.561	39.406	39,98%
10	Thành phố Phú Quốc	109.516	-	0,00%	313.642	99.330	31,67%
11	Huyện Giồng Riềng	4.932	3.119	63,25%	254.585	53.463	21,00%
12	Thành phố Hà Tiên	1.023	-	0,00%	788.162	139.202	17,66%
13	Huyện U Minh Thượng	23.708	3.053	12,88%	103.834	31.456	30,29%
14	Thành phố Rạch Giá	450.971	1.879	0,42%	1.039.241	304.523	29,30%
15	Huyện Giang Thành	3.808	850	22,33%	139.270	37.666	27,05%